

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT HIỆN NAY

Nguyễn Thị Lan Anh¹

TÓM TẮT

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn luôn trân trọng và giữ gìn tiếng Việt. Người là một mẫu mực trong việc dùng, bảo vệ, giữ gìn và làm cho tiếng Việt phát triển ngày càng trong sáng, giàu đẹp. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò của tiếng Việt, của văn hóa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và kiến thiết đất nước. Bài viết làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt đồng thời chỉ ra thực trạng của tiếng Việt hiện nay và một số biện pháp nhằm góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ là công cụ của giao tiếp, tư duy và là một biểu hiện của văn hóa. Cùng với bao thăng trầm và đổi thay, tiếng Việt luôn khẳng định được sức sống mãnh liệt và sự giàu đẹp vốn có của mình. Tiếng Việt là tâm hồn người Việt, là dòng chảy bất tận kết nối quá khứ, hiện tại, tương lai, một nhân tố tạo nên sự bền vững muôn đời của dân tộc.

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn luôn trân trọng và giữ gìn tiếng Việt. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt ẩn sâu trong đó là niềm tự hào, tự tôn dân tộc; thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò của văn hóa - nguồn cội sức mạnh của dân tộc trong lịch sử mấy nghìn năm đấu tranh gian khổ dựng nước, giữ nước. Hồ Chí Minh là một mẫu mực trong việc dùng, bảo vệ, giữ gìn và làm cho tiếng Việt phát triển ngày càng trong sáng, giàu đẹp. Cách sử dụng tiếng Việt của Người đã vượt qua giới hạn của kỹ năng sử dụng ngôn ngữ đơn thuần, trở thành một nghệ thuật giàu khả năng chinh phục, thấm sâu vào lòng người đọc, người nghe. Hiện nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa, tiếng Việt đã có những bước phát triển, giàu có hơn, phong phú hơn, ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong mọi mặt đời sống xã hội. Bên cạnh đó, việc sử dụng tiếng Việt cũng bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Đó là sự thiếu trong sáng, thậm chí lệch chuẩn, lai căng, hỗn tạp. Vì vậy, một tiếng Việt chuẩn mực, hiện đại, đáp ứng được vai trò của ngôn ngữ quốc gia, vừa giữ được bản sắc văn hoá Việt Nam, vừa có thể tiếp nhận được yếu tố của ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài đang là đòi hỏi bức thiết.

¹Khoa Lý luận Chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

2. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Hồ Chí Minh là một trong những lãnh tụ trên thế giới thông thạo nhiều ngoại ngữ. Một trong những lý do chính thôi thúc Hồ Chí Minh học ngoại ngữ là để tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Đối với Hồ Chí Minh, bất đồng ngôn ngữ là một trở lực lớn, vì thế học ngoại ngữ để Người có thể nắm bắt nhanh tình hình, làm quen và tìm hiểu các nền văn minh khác nhau, đồng thời Người cũng có thể tự mình phân tích tình hình chính trị, xã hội đầy biến động, tự trau dồi, rèn luyện để có một nhãn quan chính trị nhạy bén. Hồ Chí Minh từng viết, khi Cách mạng Tháng Mười nổ ra ở nước Nga, Người chưa hiểu hết ý nghĩa của cuộc Cách mạng ấy. Khi đó *“trình độ tiếng Pháp của tôi còn kém và nhận thức chính trị của tôi còn bị hạn chế”* [2; tr.10]. Nhưng đến lúc đứng dưới ngọn cờ của Quốc tế thứ ba, Người *“đã nắm vững tiếng Pháp và đã có thể tiến hành tự học chính trị một cách sâu sắc và có thể hiểu rõ các vấn đề quốc tế”* [2; tr.11].

Đến thời kỳ 1921 - 1923, Người hoạt động tại Pháp. Người đã viết nhiều bài báo bằng tiếng Pháp, đăng trên báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Người còn học tiếng Nga, viết nhiều bài cho báo *Sự thật* của Đảng cộng sản Liên Xô. Người đã đi nhiều nơi, học nhiều thứ tiếng.

Mặc dù thông thạo nhiều ngoại ngữ nhưng ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã ý thức rõ muốn thoát khỏi sự nô dịch, có nền độc lập hoàn toàn, dân tộc ta cần phải giữ được ngôn ngữ của mình. Cùng với việc lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh cũng kiên quyết đấu tranh, bảo vệ tiếng nói của dân tộc. Người khẳng định: *“Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục dân tộc mình”* [3; tr.630].

Nhà báo, nhà yêu nước Nguyễn An Ninh cũng từng viết bài chính luận nổi tiếng: *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc áp bức* đăng trên báo Tiếng chuông rền (La Cloche Felee) năm 1925 như sau: *“Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Bất cứ người An Nam nào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hy vọng giải phóng giống nòi... Vì thế đối với người An Nam chúng ta, từ chối tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối tự do của mình”* [8; tr.120].

Nhà văn Pháp An-phông-xơ Đô-đê cũng từng khẳng định: *khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chùng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù.*

Như vậy, cũng như các nhà báo, nhà văn, ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã ý thức được vai trò của tiếng mẹ đẻ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám thành công mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do. Tiếng Việt được nâng lên địa vị ngôn ngữ nhà nước của một dân tộc độc lập. Tuy nhiên sau Cách mạng Tháng Tám, nước ta phải đối mặt với nhiều thử thách nghiêm trọng: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chí Minh đã trình bày sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ chống giặc dốt. Người nói: *“Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”* [4; tr.8].

Từ đó, Người vận động toàn dân diệt giặc dốt, chống nạn mù chữ, phát triển phong trào bình dân học vụ. Một năm sau cách mạng Tháng Tám đã có 2,5 triệu người biết đọc, biết viết; các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng, các trường đại học được mở thêm.

Hồ Chí Minh khẳng định: *“Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”* [5; tr.465].

Tiếng Việt là kết quả của hoạt động sản xuất vật chất và tinh thần của người Việt qua nhiều thế hệ. Tiếng Việt, ở mặt nội dung ý nghĩa của nó, là nơi ghi lại, nơi phản ánh chủ yếu những tri thức, kinh nghiệm, những suy nghĩ, quan niệm... từ ngàn đời của cha ông ta về mọi mặt của đời sống, về tự nhiên và xã hội, về vũ trụ và con người. Cùng với quá trình hình thành và phát triển nền văn hóa Việt Nam, tiếng Việt cũng hình thành và phát triển, ngày nay đã trở thành một ngôn ngữ giàu và đẹp, phong phú và độc đáo. Với một hệ thống nguyên âm, phụ âm phong phú, hệ thống các thanh điệu với những âm độ, âm vực, tiếng Việt có khả năng tạo ra nhiều giai điệu khác nhau.

Hơn 50 năm trước, khi phát động phong trào *Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt*, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết trên Tạp chí Học tập (nay là Tạp chí Cộng sản) số 4 năm 1966: *“Tiếng Việt của chúng ta rất giàu. Tiếng Việt của chúng ta rất đẹp. Giàu bởi kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân ta lâu đời và phong phú. Đẹp bởi tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp. Hai nguồn của cái giàu, cái đẹp ấy là ở chỗ tiếng Việt là tiếng nói của nhân dân”*.

Nhân dân là những người đã lao động, sáng tạo, đổ mồ hôi, công sức, chịu đựng gian khổ, hy sinh vun đắp cho tiếng Việt ngày càng giàu đẹp và giữ cho tiếng Việt mãi là tiếng nói của một dân tộc có chủ quyền. Thần thái tiếng Việt chính là sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam cần cù, nhẫn nại; ân nghĩa, thủy chung; kiên cường, bất khuất. Vì thế trách nhiệm của chúng ta là *phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp*.

Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, để làm cho tiếng Việt là thứ của cải quý báu phát triển rộng khắp, Hồ Chí Minh có những chỉ dẫn cụ thể. Trong việc mở rộng giao lưu học hỏi các nước, các thứ tiếng khác, cần cân nhắc đến sự cần thiết và sự thích hợp. Người cho rằng *“vay mượn là cần thiết”, “tiếng ta còn thiếu nên nhiều lúc phải vay mượn tiếng*

nước khác, nhất là tiếng Trung Quốc”. Song Người cũng nhắc nhở “Cần nghiên cứu cách đặt từ của mình, nghiên cứu nghĩ thêm những cách đặt từ mới của mình”, “vay mượn phải có chừng mực”, “chỉ nên mượn khi thật cần thiết”, “không nên vay mượn mà bỏ cả tiếng ta”. Bác tỏ thái độ nghiêm khắc “khuyết điểm nặng nhất là dùng chữ nước ngoài quá nhiều và nhiều khi dùng không đúng”. Người nói “các ông viết báo nhà mình hay dùng chữ quá” “cán bộ cũng hay dùng chữ lắm” “dùng đúng đã là một cái hại vì quần chúng không hiểu, dùng không đúng mà cũng ham dùng cái hại lại càng to”. Bác phê phán “bệnh nói chữ”, “bệnh ham dùng chữ Hán”, “những chữ ta có vì sao không dùng mà cũng mượn chữ nước ngoài”... Bệnh lười suy nghĩ, ngại tìm tòi sáng tạo, thói khoe chữ hay ý lại cũng được Người nhắc nhở: “Tiếng ta sẵn có thì dùng tiếng ta”, “của mình có mà không dùng lại đi mượn của nước ngoài chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?”. Người yêu cầu “cần có một cuộc vận động chống việc lạm dụng từ nước ngoài, lạm dụng chữ nho, chúng ta không chống mượn tiếng ngoại quốc để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu” [6; tr.341].

Hồ Chí Minh cũng dạy rằng, trong việc giữ gìn tiếng Việt, cái gì tiếng ta dùng đã quen rồi, không nên tự ý sửa đổi. Sẽ “tả” quá nếu những chữ Hán đã hoá thành tiếng ta, ai cũng hiểu, mà có ý không dùng. Thí dụ: độc lập mà nói “đứng một”, du kích thì nói “đánh chơi”. Hay lại viết: “Quốc hội họp kỳ thứ bốn”. Nhưng xưa nay nhân dân ta vẫn nói “thứ tư” chứ chưa có ai nói “thứ bốn” bao giờ. Thế là không nên, không hợp lý. Chúng ta nên sửa ngay lối tư duy cứng nhắc ấy.

Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương trong việc sử dụng tiếng Việt. Ngôn ngữ do Người sử dụng uyển chuyển, linh hoạt, đảm bảo sự trong sáng của ngôn từ, có tính chính xác cao, sức truyền tải lớn, phù hợp với từng đối tượng. Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày 2 tháng 9 năm 1945 là một công hiến mẫu mực về ngôn ngữ của Hồ Chí Minh. Giáo sư Hoàng Tuệ khẳng định “*Hồ Chí Minh, người khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, cũng là người thảo ra văn bản nhà nước đầu tiên này của dân tộc Việt Nam đã làm chủ vận mệnh của mình và ngôn ngữ của mình*” [7; tr.469].

2.2. Một số vấn đề đặt ra trong việc giữ gìn tiếng Việt hiện nay

Tiếng Việt bắt đầu bước lên vị trí ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ chính thức kể từ sau Cách mạng tháng Tám. Những chính sách đối với tiếng Việt tập trung vào mục tiêu cụ thể như sau: khẳng định vị thế của tiếng Việt với vai trò ngôn ngữ chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; phát triển tiếng Việt.

Vị thế ngôn ngữ quốc gia của tiếng Việt được thể hiện rõ qua nội dung quy định trong các bản Hiến pháp từ năm 1946 đến nay, các sắc lệnh, quyết định của Đảng và Nhà nước với những chỉ thị đảm bảo tính bắt buộc và thuận tiện cho người dân học chữ quốc ngữ.

Kể cả khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt, Nhà nước ta vẫn tổ chức 2 cuộc vận động nhằm phát triển tiếng Việt là *Cải tiến chữ quốc ngữ* năm 1960 và *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt* năm 1966.

Năm 1979, cuộc vận động chuẩn hóa tiếng Việt đã đưa đến kết quả là những quy định của Bộ Giáo dục về chính tả và thuật ngữ tiếng Việt.

Năm 1991, Luật phổ cập Giáo dục lần đầu tiên quy định *Giáo dục tiểu học được thực hiện bằng tiếng Việt*.

Ngoài ra, để bảo vệ và uốn nắn cách sử dụng tiếng Việt, Chính phủ đã quy định cách sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động quảng cáo, phim, băng đĩa, các hoạt động văn hóa trong những nghị định hướng dẫn chi tiết. Việc dạy tiếng Việt cho người dân tộc, người nước ngoài cũng được Nhà nước quan tâm đầu tư thông qua thành lập các khoa tiếng Việt và chương trình dạy tiếng Việt mang tính đại chúng. Hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa, tiếng Việt đã có những thay đổi nhanh chóng. Từ vựng tiếng Việt đã được bổ sung, hoàn thiện nhiều so với trước. Hệ thống thuật ngữ tiếng Việt đã tăng lên không ngừng ở mọi lĩnh vực. Các nghi thức lời nói cũng có những bước chuyển phù hợp với thực tế cuộc sống.

Tuy nhiên, tình trạng sử dụng tiếng Việt thiếu chuẩn xác, pha trộn tiếng Việt với tiếng nước ngoài, sử dụng các từ ngữ méo mó, biến dạng đang làm mất đi giá trị vốn có của ngôn ngữ dân tộc. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do một bộ phận nhân dân chưa thực sự có ý thức, trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Xu hướng lai căng, sinh ngoại, thích “hiện đại”, thích “thể hiện cá tính, đẳng cấp” của một số người, đặc biệt là giới trẻ. Sự thiếu hụt tri thức cơ bản về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng dẫn đến việc dùng sai tiếng Việt, nhất là những từ Hán Việt. Cùng với đó là sự dễ dãi, vô nguyên tắc trong sử dụng ngôn ngữ của giới truyền thông; sự lạm dụng các yếu tố ngoại ngữ, khẩu ngữ, cách diễn đạt để gây “ấn tượng”, “giật gân”, sự thiếu tích cực, “chậm chân” của công tác nghiên cứu, phản biện về ngôn ngữ cũng làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt theo tư tưởng Hồ Chí Minh chúng ta cần:

Tiếp thu có chọn lọc nhằm bổ sung cái thiếu, hiện đại hóa và làm giàu ngôn ngữ dân tộc, mặt khác phải biết loại bỏ những từ ngữ không còn phù hợp với sự biến đổi của dân tộc và thế giới hiện đại.

Chỉ sử dụng ngoại ngữ trong những trường hợp bắt buộc, không pha tạp ngôn ngữ khi không cần thiết, song cũng tránh Việt hóa tất cả các từ ngữ một cách gò ép. Tôn trọng ngữ âm, ngữ pháp của tiếng Việt kể cả trong giao tiếp.

Mỗi gia đình cần tạo dựng môi trường ngôn ngữ lành mạnh, uốn nắn việc sử dụng tiếng mẹ đẻ cho con em từ khi còn nhỏ.

Đội ngũ nhà giáo và nhà trường phải nêu gương trong sử dụng ngôn ngữ; tiếp tục uốn nắn, định hướng, vun đắp giúp người học hoàn thiện vốn từ tiếng Việt của mình.

Các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà khoa học cần cẩn trọng trong sử dụng từ ngữ, cần tuyên truyền để mọi người dân có ý thức giữ gìn tiếng Việt như một tài sản vô giá của dân tộc, đồng thời tích cực, chủ động phê phán những hành vi sử dụng tiếng Việt không đúng, lệch lạc, yếu kém, làm hỏng tiếng Việt.

3. KẾT LUẬN

Đối với bất kỳ nền văn hóa nào, ngôn ngữ vừa đóng vai trò là một thành tố, một thành tựu văn hóa tinh thần vô giá; vừa đóng vai trò là phương tiện quan trọng để lưu giữ, bảo tồn và chuyên chở những giá trị, những thành tựu của chính nền văn hóa ấy. Một quốc gia dân tộc độc lập tự chủ và phát triển phải là một quốc gia dân tộc có một nền văn hóa độc lập với bản sắc riêng, có tiếng nói, chữ viết với những đặc trưng riêng không bị pha trộn, lai tạp, đồng hóa.

Dân tộc Việt Nam có tiếng nói riêng của mình. Tiếng nói ấy từ lâu đã là ngôn ngữ quốc gia thống nhất, cơ bản đã ổn định về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Khoản 3 Điều 5 Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: “*Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình*” [1; tr.11].

Tiếng Việt khởi nguồn và lan tỏa cùng với công cuộc dựng nước, giữ nước của nhân dân, cùng những đau yêu, thương mến nảy nở sinh sôi trong từng gia đình, làng xã để Tổ quốc văn hiến mãi mãi được sinh tồn, mãi mãi phát triển dù phải trải qua bao cuộc bể dâu, binh biến. Tiếng Việt là sự chuyên lưu, tiếp nối, gìn giữ, bổ sung của nhiều thế hệ, vì thế nó là tài sản vô giá của dân tộc. Trong thời đại ngày nay, khi sự giao lưu hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu, chúng ta có thể sử dụng những ngôn ngữ khác nhưng tiếng Việt vẫn phải là phần bảo lưu quan trọng, thiêng liêng.

Để cho tiếng Việt đạt được sự chuẩn mực, trong sáng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, những người làm báo, làm công tác truyền thông, các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục, nhà quản lý phải gương mẫu, đi đầu trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bản thân mỗi người chúng ta khi nói, khi viết phải ý thức được trách nhiệm nói đúng, viết đúng, nói hay, viết hay, làm cho tiếng Việt trong sáng, giàu và đẹp hơn nữa, luôn dồi dào sức sống, trường tồn cùng lịch sử dân tộc, như một dấu ấn độc đáo để nhận diện bản sắc văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam. Đó cũng là trách nhiệm của chúng ta đối với quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Hiến pháp Việt Nam* (2018), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 11*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 13*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Hoàng Tuệ (2008), *Tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [8] *Văn học Việt Nam thế kỷ XX - Quyển năm (2003), tập 1*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

HO CHI MINH'S IDEOLOGY OF PRESERVING THE PURITY OF VIETNAMESE LANGUAGE AND SOME RELATED ISSUES IN MODERN TIME

Nguyen Thi Lan Anh

ABSTRACT

During his lifetime, Ho Chi Minh always appreciated and preserved Vietnamese language. He set an example in using, protecting, preserving and making Vietnamese more effective and more beautiful. Ho Chi Minh's ideology of preserving the purity of Vietnamese language shows a deep awareness of the role of Vietnamese language and culture in the liberation and development of our country. The article clarifies Ho Chi Minh's thoughts of preserving the purity of Vietnamese language and demonstrates the current situation of Vietnamese language and some measures for preserving the purity of Vietnamese language.

Keywords: *Ho Chi Minh's ideology, Vietnamese language, preserving the purity.*

Ngày nộp bài: 21/10/2019; Ngày gửi phản biện: 22/10/2019; Ngày duyệt đăng: 30/12/2019